BÀI GIẢNG: PHONG CÁCH NGÔN NGỮ
CHUYÊN ĐỀ: KỸ NĂNG ĐỌC HIỂU
MÔN: NGỮ VĂN 12
GIÁO VIÊN: ĐOÀN MẠNH LINH

MỤC TIÊU

✓ *Nắm được lý thuyết về phong cách ngôn ngữ*

TÌM HIỂU CHUNG VỀ PHONG CÁCH NGÔN NGỮ

1 Khái niệm phong cách ngôn ngữ

Phong cách ngôn ngữ là một khái niệm chỉ cách sử dụng ngôn ngữ theo những đặc điểm riêng biệt để phù hợp với mục đích giao tiếp và bối cảnh cụ thể. Phong cách ngôn ngữ phản ánh sự lựa chọn về từ ngữ, cấu trúc câu, giọng điệu, và các phương tiện ngôn ngữ khác nhằm đạt hiệu quả giao tiếp cao nhất.

2 Đặc trưng của phong cách ngôn ngữ

Ba đặc trưng quan trọng của 1 phong cách ngôn ngữ: 1. Tính mục đích: Phong cách ngôn ngữ được sử dụng nhằm đạt được mục tiêu giao tiếp cụ thể, ví dụ như thông báo, thuyết phục, bày tỏ cảm xúc, hoặc giải trí. 2. Tính đặc trưng bối cảnh: Phong cách ngôn ngữ thay đổi tùy thuộc vào bối cảnh giao tiếp (trang trọng hay thân mật suồng sã, công khai hay riêng tư). 3. Ngôn ngữ, giọng điệu: Tuỳ vào ngữ cảnh, mục đích, đối tượng, ... Sẽ chi phối cách sử dụng từ ngữ và giọng điệu riêng để phù hợp.

CÁC TIỂU LOẠI PHONG CÁCH NGÔN NGỮ

1 Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt

Về khái niệm của ngôn ngữ sinh hoạt: Là lời ăn tiếng nói hằng ngày dùng để trao đổi thông tin, ý nghĩ, tình cảm,…đáp ứng nhu cầu của cuộc sống.

- Có 2 dạng tồn tại:

+ Dạng nói + Dạng viết: nhật kí, thư từ, truyện trò trên mạng xã hội, tin nhắn điện thoại,…

Khái niệm Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt : là phong cách được dùng trong giao tiếp sinh hoạt hàng ngày, thuộc hoàn cảnh giao tiếp không mang tính nghi thức. Giao tiếp ở đây thường với tư cách cá nhân nhằm để trao đổi tư tưởng, tình cảm của mình với người thân, bạn bè,…

- Đặc trưng:

+ Tính cụ thể: Cụ thể về không gian, thời gian, hoàn cảnh giao tiếp, nhân vật giao tiếp, nội dung và cách thức giao tiếp…

+ Tính cảm xúc: Cảm xúc của người nói thể hiện qua giọng điệu, các trợ từ, thán từ, sử dụng kiểu câu linh hoạt,..

+ Tính cá thể: là những nét riêng về giọng nói, cách nói năng => Qua đó ta có thể thấy được đặc điểm của người nói về giới tính, tuổi tác, tính cách, sở thích, nghề nghiệp,…

- Ví dụ về phong cách ngôn ngữ sinh hoạt

+ Ví dụ 1:

8 - 3 - 69 Về thăm bệnh nhân giữa đêm khuya, trở lại phòng và không thể ngủ được. Trong đêm vắng lặng, không có tiếng chim hay lá rơi, cũng không có gió rung cành. Th. đang nghĩ gì vậy? Đôi mắt nhìn qua màn đêm, ánh trăng mờ hiện lên những hình ảnh đẹp đẽ và những khoảnh khắc êm ả trong tình yêu thương ở Đức Phổ. Nhưng cảnh chia ly và đau buồn cũng không thể tránh khỏi... Th. ơi, nghe thấy tiếng thương binh rên rỉ và tiếng súng xa xa. Chiến trường vẫn còn chiến thắng.

(Nhật ký Đặng Thùy Trâm, NXB Hội Nhà Văn, Hà Nội, 2005)

+ Ví dụ 2:

Cụ bá cười nhạt, nhưng tiếng cười giòn giã lắm: người ta bảo cụ hơn người cũng chỉ bởi cái cười.

- Cái anh này nói mới hay! Ai làm gì mà anh phải chết? Đời người chứ có phải con ngoé đâu? Lại say rồi phải không?

Rồi đổi giọng, cụ thân mật hỏi:

- Về bao giờ thế? Sao không vào tôi chơi? Đi vào nhà uống nước.

Thấy Chí Phèo không nhúc nhích, cụ tiếp luôn:

- Nào đứng lên đi. Cứ vào đây uống nước đã. Có cái gì ta nói chuyện tử tế với nhau, cần gì mà phải làm thanh động lên như thế, người ngoài biết, mang tiếng cả.

Chí Phèo – Nam Cao

2 Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật

- Về khái niệm của ngôn ngữ nghệ thuật : Là ngôn ngữ chủ yếu dùng trong các tác phẩm văn chương, không chỉ có chức năng thông tin mà còn thỏa mãn nhu cầu thẩm mĩ của con người. Nó là ngôn ngữ được tổ chức, sắp xếp, lựa chọn, gọt giũa, tinh luyện từ ngôn ngữ thông thường và đạt được giá trị nghệ thuật – thẩm mĩ

- Chức năng của ngôn ngữ nghệ thuật : chức năng thông tin & chức năng thẩm mĩ. – Phạm vi sử dụng : + Dùng trong văn bản nghệ thuật: Ngôn ngữ tự sự (truyện ngắn, tiểu thuyết, phê bình, hồi kí…); Ngôn ngữ trữ tình (ca dao, vè, thơ…); Ngôn ngữ sân khấu (kịch, chèo, tuồng…) + Ngoài ra ngôn ngữ nghệ thuật còn tồn tại trong văn bản chính luận, báo chí, lời nói hằng ngày…

- Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật : Là phong cách được dùng trong sáng tác văn chương.

- Đặc trưng:

+ Tính hình tượng: Xây dựng hình tượng chủ yếu bằng các biện pháp tu từ: ẩn dụ, nhân hóa, so sánh, hoán dụ, điệp…

+ Tính truyền cảm: ngôn ngữ của người nói, người viết có khả năng gây cảm xúc, ấn tượng mạnh với người nghe, người đọc.

+ Tính cá thể: Là dấu ấn riêng của mỗi người, lặp đi lặp lại nhiều lần qua trang viết, tạo thành phong cách nghệ thuật riêng. Tính cá thể hóa của ngôn ngữ còn thể hiện trong lời nói của nhân vật trong tác phẩm

- Ví dụ:

Tính dậy hắn thấy già mà vẫn còn cô độc. Buồn thay cho đời! Có lý nào như thế được? Hắn đã già rồi hay sao? Ngoài bốn mươi tuổi đầu... Dẫu sao, đó không phải tuổi mà người ta mới bắt đầu sửa soạn. Hắn đã tới cái dốc bên kia của đời. Ở những người như hắn, chịu đựng biết bao nhiêu là chất độc, đầy đọa cực nhọc mà chưa bao giờ ốm, một trận ốm có thể gọi là dấu hiệu báo rằng cơ thể đã hư hỏng nhiều. Nó là một cơn mưa gió cuối thu cho biết trời gió rét, nay mùa đông đã đến.

Chí Phèo – Nam Cao

3 Phong cách ngôn ngữ chính luận

- Về khái niệm của ngôn ngữ chính luận: Là ngôn ngữ dùng trong các văn bản chính luận hoặc lời nói miệng trong các buổi hội nghị, hội thảo, nói chuyện thời sự,… nhằm trình bày, bình luận, đánh giá những sự kiện, những vấn đề về chính trị, xã hội, văn hóa, tư tưởng,…theo một quan điểm chính trị nhất định.

- Các phương tiện diễn đạt:

+ Về từ ngữ: sử dụng ngôn ngữ thông thường nhưng có khá nhiều từ ngữ chính trị.

+ Về ngữ pháp: Câu thường có kết cấu chuẩn mực, gần với những phán đoán logic trong một hệ thống lập luận. Liên kết các câu trong văn bản rất chặt chẽ [Vì thế, Do đó, Tuy… nhưng….]

+ Về các biện pháp tu từ: sử dụng nhiều biện pháp tu từ để tăng sức hấp dẫn cho lí lẽ, lập luận.

- Phong cách ngôn ngữ chính luận: là phong cách được dùng trong lĩnh vực chính trị xã hội.

- Tính công khai về quan điểm chính trị: Văn bản chính luận phải thể hiện rõ quan điểm của người nói/ viết về những vấn đề thời sự trong cuộc sống, không che giấu, úp mở. Vì vậy, từ ngữ phải được cân nhắc kĩ càng, tránh dùng từ ngữ mơ hồ; câu văn mạch lạc, tránh viết câu phức tạp, nhiều ý gây những cách hiểu sai.

- Tính chặt chẽ trong diễn đạt và suy luận: Văn bản chính luận có hệ thống luận điểm, luận cứ, luận chứng rõ ràng, mạch lạc và sử dụng từ ngữ liên kết rất chặt chẽ: vì thế, bởi vây, do đó, tuy… nhưng…, để, mà,….

- Tính truyền cảm, thuyết phục: Thể hiện ở lí lẽ đưa ra, giọng văn hùng hồn, tha thiết, bộc lộ nhiệt tình của người viết.

- Cách nhận biết ngôn ngữ chính luận trong đề đọc hiểu:

+ Nội dung liên quan đến những sự kiện, những vấn đề về chính trị, xã hội, văn hóa, tư tưởng,…

+ Có quan điểm của người nói/ người viế

- Ví dụ:

Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên! Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

(Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến – Hồ Chí Minh)

4 Phong cách ngôn ngữ khoa học

- Về khái niệm của ngôn ngữ khoa học : Ngôn ngữ KH: là ngôn ngữ được dùng trong giao tiếp thuộc lĩnh vực khoa học, tiêu biểu là các VBKH. VB khoa học gồm 3 loại:

+ VBKH chuyên sâu: dùng để giao tiếp giữa những người làm công việc nghiên cứu trong các ngành khoa học [chuyên khảo, luận án, luận văn, tiểu luận,…]

+ VBKH và giáo khoa: giáo trình, sách giáo khoa, thiết kế bài dạy,… Nội dung được trình bày từ thấp đến cao, dễ đến khó, khái quát đến cụ thể, có lí thuyết và bài tập đi kèm,…

+ VBKH phổ cập: báo, sách phổ biến khoa học kĩ thuật… nhằm phổ biến rộng rãi kiến thức khoa học cho mọi người, không phân biệt trình độ → viết dễ hiểu, hấp dẫn.

Đặc trưng phong cách ngôn ngữ khoa học:

- Tính khái quát, trừu tượng:

+ Ngôn ngữ khoa học dùng nhiều thuật ngữ khoa học: từ chuyên môn dùng trong từng ngành khoa học và chỉ dùng để biểu hiện khái niệm khoa học.

+ Kết cấu văn bản: mang tính khái quát (các luận điểm khoa học trình bày từ lớn đến nhỏ, từ cao đến thấp, từ khái quát đến cụ thể).

- Tính lí trí, logic:

+ Từ ngữ: chỉ dùng với một nghĩa, không dùng các biện pháp tu từ.

+ Câu văn: chặt chẽ, mạch lạc, là 1 đơn vị thông tin, cú pháp chuẩn.

+ Kết cấu văn bản: Câu văn liên kết chặt chẽ và mạch lạc. Cả văn bản thể hiện một lập luận logic.

- Tính khách quan, phi cá thể:

+ Câu văn trong văn bản khoa học: có sắc thái trung hoà, ít cảm xúc.

+ Khoa học có tính khái quát cao nên ít có những biểu đạt có tính chất cá nhân

- Ví dụ:

Trung Quốc đang là nước thải khí nhà kính nhiều nhất thế giới với 10,8 tỷ tấn carbon dioxide vào năm 2021. Ở Dalad Banner, nơi một phần "Vạn lý Trường thành" điện mặt trời đang được xây dựng, ước tính trang trại có thể giảm khoảng 31,3 triệu tấn khí thải chứa carbon trong vùng, theo Li Kai, quan chức ở cơ quan quản lý điện Dalad Banner. Trang trại mới sẽ góp phần phủ xanh và ngăn chặn tình trạng sa mạc hóa Kubuqi.

(https://vnexpress.net)

5 Phong cách ngôn ngữ hành chính

- Về khái niệm của ngôn ngữ hành chính: Ngôn ngữ hành chính là ngôn ngữ được dùng trong các VBHC.

- Đặc điểm:

+ Cách trình bày: thường có khuôn mẫu nhất định.

+ Về từ ngữ: sử dụng lớp từ hành chính với tần số cao.

+ Về kiểu câu: câu thường dài, gồm nhiều ý, mỗi ý quan trọng thường được tách ra, xuống dòng, viết hoa đầu dòng.

- Về văn bản hành chính: Văn bản hành chính là VB được dùng trong giao tiếp thuộc lĩnh vực hành chính. Đó là giao tiếp giữa Nhà nước với nhân dân, giữa nhân dân với cơ quan Nhà nước, giữa cơ quan với cơ quan, giữa nước này và nước khác trên cơ sở pháp lí [thông tư, nghị định, đơn từ, báo cáo, hóa đơn, hợp đồng…].

– Đặc trưng của PCNNHC

+ Tính khuôn mẫu: mỗi văn bản hành chính đều tuân thủ 1 khuôn mẫu nhất định.

+ Tính minh xác: Không dùng phép tu từ, lối biểu đạt hàm ý hoặc mơ hồ về nghĩa. Không tùy tiện xóa bỏ, thay đổi, sửa chữa nội dung. Đảm bảo chính xác từng dấu câu, chữ kí, thời gian. Gồm nhiều chương, mục để tiện theo dõi.

+ Tính công vụ: Không dùng từ ngữ biểu hiện quan hệ, tình cảm cá nhân [nếu có cũng chỉ mang tính ước lệ: kính mong, kính gửi, trân trọng cảm ơn,…]. Dùng lớp từ toàn dân, không dùng từ địa phương, khẩu ngữ,…

6 Phong cách ngôn ngữ báo chí

Về khái niệm của ngôn ngữ báo chí:

- Là ngôn ngữ dùng để thông báo tin tức thời sự trong nước và quốc tế, phản ánh chính kiến của tờ báo và dư luận quần chúng, nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của XH. Tồn tại ở 2 dạng: nói [thuyết minh, phỏng vấn miệng trong các buổi phát thanh/ truyền hình…] & viết [báo viết]

- Ngôn ngữ báo chí được dùng ở những thể loại tiêu biểu là bản tin, phóng sự, tiểu phẩm,… Ngoài ra còn có quảng cáo, bình luận thời sự, thư bạn đọc,… Mỗi thể loại có yêu cầu riêng về sử dụng ngôn ngữ

- Về các phương tiện diễn đạt

+ Về từ vựng: sử dụng các lớp từ rất phong phú, mỗi thể loại có một lớp từ vựng đặc trưng.

+ Về ngữ pháp: Câu văn đa dạng nhưng thường ngắn gọn, sáng sủa, mạch lạc.

+ Về các biện pháp tu từ: Sử dụng nhiều biện pháp tu từ để tăng hiệu quả diễn đạt

- Đặc trưng của PCNN Báo chí

+ Tính thông tin thời sự: Thông tin nóng hổi, chính xác về địa điểm, thời gian, nhân vật, sự kiện,…

+ Tính ngắn gọn: Lời văn ngắn gọn nhưng lượng thông tin cao [bản tin, tin vắn, quảng cáo,…]. Phóng sự thường dài hơn nhưng cũng không quá 3 trang báo và thường có tóm tắt, in đậm đầu bài báo để dẫn dắt.

+ Tính sinh động, hấp dẫn: Các dùng từ, đặt câu, đặt tiêu đề phải kích thích sự tò mò của người đọc.

- Ví dụ:

Việt Nam – Thái Lan: Món nợ phải đòi ở ASEAN Cup Việt Nam gặp Thái Lan được ví như siêu kinh điển của bóng đá Đông Nam Á, xét trên vị thế cũng như chiều dài lịch sử đối đầu giữa hai ĐTQG. Cuộc đấu càng thêm phần thú vị khi hai HLV trưởng đến từ Hàn Quốc và Nhật Bản - cặp kỳ phùng địch thủ nổi tiếng của bóng đá châu Á. Trong phòng họp báo hôm qua, như mọi khi HLV Masatada Ishii vẫn thể hiện phong thái bình tĩnh, nhưng cũng đầy khát vọng. Ông tuyên bố muốn thắng cả hai lượt chung kết để vô địch...

(https://vnexpress.net)

LUYỆN TẬP

Câu 1: " Sáng ngày 16-04-2014, một chiếc tàu của Hàn Quốc chở theo hơn 400 người đã bị chìm tại vùng biển phía Tây Nam nước này, các cơ quan chức đã có các biện pháp tìm kiếm cứu nạn. Theo thông tin ban đầu có 200 người mất tích. Công tác cứu hộ, cứu nạn đang được triển khai." Phong cách ngôn ngữ của văn bản trên là:

A. Phong cách ngôn ngữ chính luận
B. Phong cách ngôn ngữ báo chí
C. Phong cách ngôn ngữ khoa học
D. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

Chọn B.

Câu 2: Đặc trưng nào dưới đây không phải đặc trưng của phong cách ngôn ngữ hành chính?

A. Tính khuôn mẫu ưu **B.** Tính thuyết phục **C.** Tính minh xác **D.** Tính công vụ

Chọn B.

Câu 3: Văn bản dưới đây thuộc phong cách ngôn ngữ nào?

- Nó chết một cái nhà tôi neo người quá, phải những như một mình tôi thì tôi ở lại làng cùng với anh em kia đấy.

- Thôi thì chẳng ở lại làng cùng anh em được thì tản cư âu cũng là kháng chiến.

- Thì vưỡn! Lúa dưới ta tốt nhiều chứ? Các ông bà ở đâu ta lên đấy ạ?

(Làng, Kim Lân)

A. Phong cách ngôn ngữ chính luận.
B. Phong cách ngôn ngữ báo chí.
C. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.
D. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

Chọn C.

Câu 4: Điểm khác biệt nhất của ngôn ngữ nghệ thuật so với các phong cách ngôn ngữ khác?

A. Dùng nhiều từ tượng thanh
B. Dùng nhiều từ tượng hình
C. Dùng nhiều từ láy
D. Dùng nhiều biện pháp tu từ

Chọn D.